

Số: 466/QĐ - ĐHLĐXH

Hà Nội, ngày 07 tháng 2 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành chương đào tạo đại học ngành II theo hệ thống tín chỉ các ngành
Quản trị nhân lực; Kế toán; Bảo hiểm; Công tác xã hội; Quản trị kinh doanh**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 538/QĐ-LĐTĐ ngày 24/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Lao động- Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 1136/2007/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SĐH ngày 30/3/2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép trường Đại học Lao động- Xã hội đào tạo bậc đại học các ngành Quản trị nhân lực, Kế toán, Bảo hiểm, Công tác xã hội;

Căn cứ Quyết định số 529/QĐ-BGDĐT ngày 06/02/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép trường Đại học Lao động- Xã hội đào tạo bậc đại học ngành Quản trị kinh doanh;

Căn cứ quyết định số 1513/QĐ-ĐHLĐXH ngày 04/9/2013 của Hiệu trưởng Trường đại học Lao động – Xã hội về việc ban hành chương trình đào tạo đại học chính qui theo học chế tín chỉ các ngành Quản trị nhân lực; Kế toán; Bảo hiểm; Công tác xã hội; Quản trị kinh doanh.

Theo đề nghị của Ban chỉ đạo xây dựng và thực hiện đào tạo theo hệ thống tín chỉ, Trường phòng Đào Tạo, Trường phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo đại học ngành II theo hệ thống tín chỉ các ngành Quản trị nhân lực, Kế toán, Bảo hiểm, Công tác xã hội; Quản trị kinh doanh (*Chương trình chi tiết kèm theo*).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Trường các phòng, Khoa, Bộ môn thuộc Trường; Giám đốc Cơ sở Sơn Tây và Cơ sở II chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./

Nơi nhận:

- Thư trưởng Đoàn Mậu Diệp (để b/c)
- Như điều 3 (để t/h);
- BGH (để chỉ đạo);
- Lưu VT, Phòng KH-HTQT, Phòng ĐT; Ban chỉ đạo tín chỉ.



PGS.TS. Lê Thanh Hà

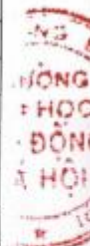
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH II- QUẢN TRỊ KINH DOANH
DÀNH CHO SINH VIÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC**

(Ban hành theo Quyết định số 166/QĐ-ĐHLĐXH ngày 08 tháng 02 năm 2014
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội)

Trình độ đào tạo : ĐẠI HỌC
Ngành đào tạo : QUẢN TRỊ KINH DOANH
Mã số : 52340101
Loại hình đào tạo : CHÍNH QUY

Kiến thức giáo dục đại cương:	0 tín chỉ
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:	82 tín chỉ
- Kiến thức cơ sở của khối ngành :	0 tín chỉ
- Kiến thức cơ sở ngành:	13 tín chỉ
+ Kiến thức bắt buộc:	9 tín chỉ
+ Kiến thức lựa chọn:	04 tín chỉ
- Kiến thức ngành:	25 tín chỉ
+ Kiến thức bắt buộc:	23 tín chỉ
+ Kiến thức lựa chọn :	02 tín chỉ
- Kiến thức chuyên ngành:	12 tín chỉ
+ Kiến thức bắt buộc:	10 tín chỉ
+ Kiến thức lựa chọn :	02 tín chỉ
- Kiến thức bổ trợ:	22 tín chỉ
+ Kiến thức bắt buộc:	18 tín chỉ
+ Kiến thức lựa chọn :	04 tín chỉ
- Thực tập tốt nghiệp cuối khóa :	04 tín chỉ
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế :	06 tín chỉ

STT	TÊN HỌC PHẦN	Mã HP	Khoa/BM phụ trách		HP tiên quyết	HP song hành	SỐ TÍN CHỈ		
			Hà Nội	TP HCM			Tổng	LT	TH
I	Kiến thức giáo dục đại cương						0		
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp						13		
II.1	Kiến thức cơ sở khối ngành						0		
II.2	Kiến thức cơ sở Ngành						13		
	Học phần bắt buộc						9		
24	Nguyên lý kế toán (I)	NLKT1.1.2	KT	KT			2	1	1
27	Tài chính - Tiền tệ	TCTT.1.2	KT	KT			2	1	1
28	Lý thuyết tổ chức *	LTTC.1.3	QTKD	QTKD		29	3	2	1
29	Kinh tế quốc tế	KTQT.1.2	QTKD	QTKD		28	2	1	1
	Học phần tự chọn (chọn 2/4)						4		
30	Kinh tế lượng	KTL.1.2	Toán	Toán-Tkê			2	1	1
31	Văn hóa doanh nghiệp	VHDN.1.2	QTKD	QTKD		32	2	1	1
32	Kinh tế phát triển	KTP.T.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
33	Tâm lý kinh doanh	TLKD.1.2	CTXH	CTXH			2	1	1
II.3	Kiến thức ngành và chuyên ngành						59		
II.3.1	Kiến thức ngành						25		
	Học phần bắt buộc						23		
34	Quản trị chiến lược	QTCIL.1.3	QTKD	QTKD	28		3	2	1
35	Quản trị marketing	QTMKT.1.3	QTKD	QTKD		36	3	2	1
36	Quản trị sản xuất	QTSX.1.3	QTKD	QTKD		35	3	2	1
37	Quản trị chuỗi cung ứng	QTCU.1.3	QTKD	QTKD		38	3	2	1
38	Quản trị nhân lực	QTNL.1.3	QLLĐ	QLLĐ			3	2	1
39	Quản trị tài chính doanh nghiệp	QTCDN.1.3	KT	KT	27		3	2	1
40	Kế toán quản trị	KTQT.1.3	KT	KT			3	2	1
41	Hệ thống thông tin quản trị	HTQT.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
	Học phần tự chọn (chọn 1/2)						2		
42	Khởi sự và tinh thần kinh doanh	KSKD.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
43	Thị trường thế giới và kinh doanh xuất nhập khẩu	TTTG.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
II.3.2	Kiến thức chuyên ngành						12		
	Học phần bắt buộc						10		
44	Quản trị dự án	QTDA.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
45	Quản trị chất lượng	QTCL.1.2	QTKD	QTKD	36	48	2	1	1
46	Tín dụng và thanh toán	TDTT.1.2	KT	KT	27		2	1	1
47	Thương mại điện tử	TMĐT.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
48	Logistics	LGYS.1.2	QTKD	QTKD	37		2	1	1
	Học phần tự chọn (chọn 1/2)						2		
49	Quản trị sự thay đổi	QTTĐ.1.2	QTKD	QTKD	28		2	1	1
50	Thị trường chứng khoán	TTCK.1.2	KT	KT	27		2	1	1
II.3.3	Kiến thức bổ trợ						22		
	Học phần bắt buộc						18		
51	Thực hành TOEIC Nâng cao (I)	THTOI.1.2	NN	NN			2	0	2



52	Thực hành TOEIC Nâng cao (II)	THTO2.1.2	NN	NN	51		2	0	2
53	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD (I)	TAQK1.1.2	NN	NN			2	0	2
54	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD (II)	TAQK2.1.2	NN	NN	53		2	0	2
55	Kỹ thuật xử lý số liệu (SPSS)	KSPSS.1.2	T Kê	Toán-Tkê			2	1	1
56	Phần mềm quản trị kinh doanh	PMQK.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
57	Kỹ năng lãnh đạo và ra quyết định kinh doanh	KNLD.1.2	QTKD	QTKD	28		2	1	1
58	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán kinh doanh	KNĐP.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
59	Kỹ năng làm việc và quản trị nhóm trong kinh doanh	KNNKD.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
	Học phần tự chọn (chọn 2/4)						4		
60	Kỹ năng quản trị và phát triển bản thân	KNPT.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
61	Kỹ năng ứng xử và phòng vấn việc làm	KNPV.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
62	Kỹ năng soạn văn bản quản trị và kinh doanh	KNST.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
63	Lịch sử văn minh thế giới	LSTG.1.2	CTXH	CTXH			2	2	
III	Thực tập cuối khóa						4		
IV	Khóa luận tốt nghiệp **						6		
	Các học phần thay thế KLTN								
64	Kế hoạch kinh doanh	KHKD.1.3	QTKD	QTKD			3	1	2
65	Công ty đa quốc gia và chiến lược kinh doanh toàn cầu	CTQGK.1.3	QTKD	QTKD			3	1	2

Ghi chú:

Học phần Quản trị nhân lực: xét miễn dựa trên điểm trung bình các học phần có liên quan.

(*): Giảng và học bằng tiếng Anh

(**): Những sinh viên giỏi sẽ được đề nghị trường cho phép làm khóa luận bằng tiếng Anh.

Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2014

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Lê Thanh Hà

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH II-QUẢN TRỊ KINH DOANH
DÀNH CHO SINH VIÊN NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI (KHỐI D1)**

(Ban hành theo Quyết định số 166/QĐ-ĐHLĐXH ngày 08 tháng 02 năm 2014
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội)

Trình độ đào tạo : ĐẠI HỌC
Ngành đào tạo : QUẢN TRỊ KINH DOANH
Mã số : 52340101
Loại hình đào tạo : CHÍNH QUY

Kiến thức giáo dục đại cương:	04 tín chỉ
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:	98 tín chỉ
- Kiến thức cơ sở của khối ngành (bắt buộc):	12 tín chỉ
- Kiến thức cơ sở ngành:	17 tín chỉ
+ Kiến thức bắt buộc:	13 tín chỉ
+ Kiến thức lựa chọn:	04 tín chỉ
- Kiến thức ngành:	25 tín chỉ
+ Kiến thức bắt buộc:	23 tín chỉ
+ Kiến thức lựa chọn :	02 tín chỉ
- Kiến thức chuyên ngành:	12 tín chỉ
+ Kiến thức bắt buộc:	10 tín chỉ
+ Kiến thức lựa chọn :	02 tín chỉ
- Kiến thức bổ trợ:	22 tín chỉ
+ Kiến thức bắt buộc:	18 tín chỉ
+ Kiến thức lựa chọn :	04 tín chỉ
- Thực tập tốt nghiệp cuối khóa :	04 tín chỉ
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế :	06 tín chỉ

STT	TÊN HỌC PHẦN	Mã HP	Khoa/BM phụ trách		HP tiên quyết	HP song hành	SỐ TÍN CHỈ		
			Hà Nội	TP HCM			Tổng	LT	TH
I	Kiến thức giáo dục đại cương						4		
I.1	Các học phần bắt buộc						4		
9	Toán cao cấp 1	TCC1.1.2	Toán	Toán-Tkê			2	1	1
10	Toán cao cấp 2	TCC2.1.2	Toán	Toán-Tkê	9		2	1	1
I.2	Các học phần tự chọn (chọn 2/4)						0		
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp						88		
II.1	Kiến thức cơ sở của khối ngành						12		
	Các học phần bắt buộc						12		
19	Kinh tế vi mô	KTVM.1.3	QTKD	QTKD			3	2	1
20	Kinh tế vĩ mô	VM.1.3	QTKD	QTKD		21	3	2	1
21	Nguyên lý thống kê	NLTk.1.2	T Kê	Toán-Tkê		20	2	1	1
22	Luật Kinh tế	LKT.1.2	Luật	Luật			2	1	1
23	Marketing căn bản	MKTCB.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
II.2	Kiến thức cơ sở Ngành						17		
	Học phần bắt buộc						13		
24	Nguyên lý kế toán (I)	NLKT1.1.2	KT	KT			2	1	1
25	Luật lao động	LLĐ.1.2	Luật	Luật			2	1	1
26	Quản trị học	QTH.1.2	QTKD	QTKD	19		2	1	1
27	Tài chính - Tiền tệ	TCTT.1.2	KT	KT			2	1	1
28	Lý thuyết tổ chức *	LTTC.1.3	QTKD	QTKD	26	29	3	2	1
29	Kinh tế quốc tế	KTQT.1.2	QTKD	QTKD		28	2	1	1
	Học phần tự chọn (chọn 2/4)						4		
30	Kinh tế lượng	KTL.1.2	Toán	Toán-Tkê			2	1	1
31	Văn hóa doanh nghiệp	VHDN.1.2	QTKD	QTKD		32	2	1	1
32	Kinh tế phát triển	KTPT.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
33	Tâm lý kinh doanh	TLKD.1.2	CTXH	CTXH			2	1	1
II.3	Kiến thức ngành và chuyên ngành						59		
II.3.1	Kiến thức ngành						25		
	Học phần bắt buộc						23		
34	Quản trị chiến lược	QTCIL.1.3	QTKD	QTKD	28		3	2	1
35	Quản trị marketing	QTMKT.1.3	QTKD	QTKD	23	36	3	2	1
36	Quản trị sản xuất	QTSX.1.3	QTKD	QTKD	26	35	3	2	1
37	Quản trị chuỗi cung ứng	QTCU.1.3	QTKD	QTKD		38	3	2	1
38	Quản trị nhân lực	QTNL.1.3	QLLĐ	QLLĐ			3	2	1
39	Quản trị tài chính doanh nghiệp	QTCĐN.1.3	KT	KT	27		3	2	1
40	Kế toán quản trị	KTQT.1.3	KT	KT			3	2	1
41	Hệ thống thông tin quản trị	HTQT.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1

STT	TÊN HỌC PHẦN	Mã HP	Khoa/BM phụ trách		HP tiên quyết	HP song hành	SỐ TÍN CHỈ		
			Hà Nội	TP HCM			Tổng	LT	TH
	Học phần tự chọn (chọn 1/2)						2		
42	Khởi sự và tinh thần kinh doanh	KSKD.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
43	Thị trường thế giới và kinh doanh xuất nhập khẩu	TTTG.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
II.3.2	Kiến thức chuyên ngành						12		
	Học phần bắt buộc						10		
44	Quản trị dự án	QTDA.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
45	Quản trị chất lượng	QTCL.1.2	QTKD	QTKD	36	48	2	1	1
46	Tin dụng và thanh toán	TDTT.1.2	KT	KT	27		2	1	1
47	Thương mại điện tử	TMĐT.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
48	Logistics	LGYS.1.2	QTKD	QTKD	37		2	1	1
	Học phần tự chọn (chọn 1/2)						2		
49	Quản trị sự thay đổi	QTTĐ.1.2	QTKD	QTKD	28		2	1	1
50	Thị trường chứng khoán	TTCK.1.2	KT	KT	27		2	1	1
II.3.3	Kiến thức bổ trợ						22		
	Học phần bắt buộc						18		
51	Thực hành TOEIC Nâng cao (I)	THTO1.1.2	NN	NN			2	0	2
52	Thực hành TOEIC Nâng cao (II)	THTO2.1.2	NN	NN	51		2	0	2
53	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD (I)	TAQK1.1.2	NN	NN	5,6		2	0	2
54	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD (II)	TAQK2.1.2	NN	NN	53		2	0	2
55	Kỹ thuật xử lý số liệu (SPSS)	KSPSS.1.2	T Kê	Toán-Tkê			2	1	1
56	Phần mềm quản trị kinh doanh	PMQK.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
57	Kỹ năng lãnh đạo và ra quyết định kinh doanh	KNLD.1.2	QTKD	QTKD	28		2	1	1
58	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán kinh doanh	KNDP.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
59	Kỹ năng làm việc và quản trị nhóm trong kinh doanh	KNNKD.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
	Học phần tự chọn (chọn 2/4)						4		
60	Kỹ năng quản trị và phát triển bản thân	KNPT.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
61	Kỹ năng ứng xử và phỏng vấn việc làm	KNPV.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
62	Kỹ năng soạn văn bản quản trị và kinh doanh	KNST.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
63	Lịch sử văn minh thế giới	LSTG.1.2	CTXH	CTXH			2	2	
III	Thực tập cuối khóa						4		
IV	Khóa luận tốt nghiệp **						6		
	Các học phần thay thế KLTN								
64	Kế hoạch kinh doanh	KHKD.1.3	QTKD	QTKD			3	1	2

STT	TÊN HỌC PHẦN	Mã HP	Khoa/BM phụ trách		HP tiên quyết	HP song hành	SỐ TÍN CHỈ		
			Hà Nội	TP HCM			Tổng	LT	TH
65	Công ty đa quốc gia và chiến lược kinh doanh toàn cầu	CTQKGK.1.3	QTKD	QTKD			3	1	2

Ghi chú:

(*): Giảng và học bằng tiếng Anh

(**): Những sinh viên giỏi sẽ được đề nghị trường cho phép làm khóa luận bằng tiếng Anh.

Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2014

KT.HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Lê Thanh Hà

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH II- QUẢN TRỊ KINH DOANH
DÀNH CHO SINH VIÊN NGÀNH BẢO HIỂM

(Ban hành theo Quyết định số *166/QĐ-DHLĐXH* ngày *08* tháng *02* năm 2014
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội)

Trình độ đào tạo : **ĐẠI HỌC**
Ngành đào tạo : **QUẢN TRỊ KINH DOANH**
Mã số: : **52340101**
Loại hình đào tạo: : **CHÍNH QUY**

Kiến thức giáo dục đại cương:	0 tín chỉ
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:	84 tín chỉ
- Kiến thức cơ sở của khối ngành (bắt buộc):	0 tín chỉ
- Kiến thức cơ sở ngành:	15 tín chỉ
+ Kiến thức bắt buộc:	11 tín chỉ
+ Kiến thức lựa chọn:	04 tín chỉ
- Kiến thức ngành:	25 tín chỉ
+ Kiến thức bắt buộc:	23 tín chỉ
+ Kiến thức lựa chọn :	02 tín chỉ
- Kiến thức chuyên ngành:	12 tín chỉ
+ Kiến thức bắt buộc:	10 tín chỉ
+ Kiến thức lựa chọn :	02 tín chỉ
- Kiến thức bổ trợ:	22 tín chỉ
+ Kiến thức bắt buộc:	18 tín chỉ
+ Kiến thức lựa chọn :	04 tín chỉ
- Thực tập tốt nghiệp cuối khóa :	04 tín chỉ
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế :	06 tín chỉ



STT	TÊN HỌC PHẦN	Mã HP	Khoa/BM phụ trách		HP tiên quyết	HP song hành	SỐ TÍN CHỈ		
			Hà Nội	TP HCM			Tổng	LT	TH
I	Kiến thức giáo dục đại cương						0		
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp						15		
II.1	Kiến thức cơ sở khối ngành						0		
II.2	Kiến thức cơ sở ngành						15		
	Học phần bắt buộc						11		
24	Nguyên lý kế toán (I)	NLKT1.1.2	KT	KT			2	1	1
26	Quản trị học	QTH.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
27	Tài chính - Tiền tệ	TCTT.1.2	KT	KT			2	1	1
28	Lý thuyết tổ chức *	LTTC.1.3	QTKD	QTKD	26	29	3	2	1
29	Kinh tế quốc tế	KTQT.1.2	QTKD	QTKD		28	2	1	1
	Học phần tự chọn (chọn 2/4)						4		
30	Kinh tế lượng	KTL.1.2	Toán	Toán-Tkê			2	1	1
31	Văn hóa doanh nghiệp	VHDN.1.2	QTKD	QTKD		32	2	1	1
32	Kinh tế phát triển	KTPT.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
33	Tâm lý kinh doanh	TLKD.1.2	CTXH	CTXH			2	1	1
II.3	Kiến thức ngành và chuyên ngành						59		
II.3.1	Kiến thức ngành						25		
	Học phần bắt buộc						23		
34	Quản trị chiến lược	QTCIL.1.3	QTKD	QTKD	28		3	2	1
35	Quản trị marketing	QTMKT.1.3	QTKD	QTKD		36	3	2	1
36	Quản trị sản xuất	QTSX.1.3	QTKD	QTKD	26	35	3	2	1
37	Quản trị chuỗi cung ứng	QTCU.1.3	QTKD	QTKD		38	3	2	1
38	Quản trị nhân lực	QTNL.1.3	QLLĐ	QLLĐ			3	2	1
39	Quản trị tài chính doanh nghiệp	QTCDN.1.3	KT	KT	27		3	2	1
40	Kế toán quản trị	KTQT.1.3	KT	KT			3	2	1
41	Hệ thống thông tin quản trị	HTQT.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
	Học phần tự chọn (chọn 1/2)						2		
42	Khởi sự và tinh thần kinh doanh	KSKD.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
43	Thị trường thế giới và kinh doanh xuất nhập khẩu	TTTG.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
II.3.2	Kiến thức chuyên ngành						12		
	Học phần bắt buộc						10		
44	Quản trị dự án	QTDA.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
45	Quản trị chất lượng	QTCL.1.2	QTKD	QTKD	36	48	2	1	1
46	Tín dụng và thanh toán	TDTT.1.2	KT	KT	27		2	1	1
47	Thương mại điện tử	TMĐT.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
48	Logistics	LGYS.1.2	QTKD	QTKD	37		2	1	1
	Học phần tự chọn (chọn 1/2)						2		
49	Quản trị sự thay đổi	QTTĐ.1.2	QTKD	QTKD	28		2	1	1
50	Thị trường chứng khoán	TTCK.1.2	KT	KT	27		2	1	1

STT	TÊN HỌC PHẦN	Mã HP	Khoa/BM phụ trách		HP tiên quyết	HP song hành	SỐ TÍN CHỈ		
			Hà Nội	TP HCM			Tổng	LT	TH
II.3.3	Kiến thức bổ trợ						22		
	Học phần bắt buộc						18		
51	Thực hành TOEIC Nâng cao (I)	THTO1.1.2	NN	NN			2	0	2
52	Thực hành TOEIC Nâng cao (II)	THTO2.1.2	NN	NN	51		2	0	2
53	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD (I)	TAQK1.1.2	NN	NN			2	0	2
54	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD (II)	TAQK2.1.2	NN	NN	53		2	0	2
55	Kỹ thuật xử lý số liệu (SPSS)	KSPSS.1.2	T Kế	Toán-Tkê			2	1	1
56	Phần mềm quản trị kinh doanh	PMQK.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
57	Kỹ năng lãnh đạo và ra quyết định kinh doanh	KNLD.1.2	QTKD	QTKD	28		2	1	1
58	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán kinh doanh	KNDP.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
59	Kỹ năng làm việc và quản trị nhóm trong kinh doanh	KNNKD.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
	Học phần tự chọn (chọn 2/4)						4		
60	Kỹ năng quản trị và phát triển bản thân	KNPT.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
61	Kỹ năng ứng xử và phòng vấn việc làm	KNPV.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
62	Kỹ năng soạn văn bản quản trị và kinh doanh	KNST.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
63	Lịch sử văn minh thế giới	LSTG.1.2	CTXH	CTXH			2	2	
III	Thực tập cuối khóa						4		
IV	Khóa luận tốt nghiệp **						6		
	Các học phần thay thế KLTN								
64	Kế hoạch kinh doanh	KHKD.1.3	QTKD	QTKD			3	1	2
65	Công ty đa quốc gia và chiến lược kinh doanh toàn cầu	CTQGK.1.3	QTKD	QTKD			3	1	2

Ghi chú:

(*): Giảng và học bằng tiếng Anh

(**): Những sinh viên giỏi sẽ được đề nghị trường cho phép làm khóa luận bằng tiếng Anh.

Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2014

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Lê Thanh Hà

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH II- QUẢN TRỊ KINH DOANH
DÀNH CHO SINH VIÊN NGÀNH KẾ TOÁN**

(Ban hành theo Quyết định số 166/QĐ-ĐHLĐXH ngày 08 tháng 02 năm 2014
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội)

Trình độ đào tạo : ĐẠI HỌC
Ngành đào tạo : QUẢN TRỊ KINH DOANH
Mã số: : 52340101
Loại hình đào tạo: : CHÍNH QUY

Kiến thức giáo dục đại cương:	0 tín chỉ
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:	69 tín chỉ
- Kiến thức cơ sở của khối ngành :	0 tín chỉ
- Kiến thức cơ sở ngành:	8 tín chỉ
+ Kiến thức bắt buộc:	02 tín chỉ
+ Kiến thức lựa chọn:	04 tín chỉ
- Kiến thức ngành:	19 tín chỉ
+ Kiến thức bắt buộc:	17 tín chỉ
+ Kiến thức lựa chọn :	02 tín chỉ
- Kiến thức chuyên ngành:	10 tín chỉ
+ Kiến thức bắt buộc:	8 tín chỉ
+ Kiến thức lựa chọn :	02 tín chỉ
- Kiến thức bổ trợ:	22 tín chỉ
+ Kiến thức bắt buộc:	18 tín chỉ
+ Kiến thức lựa chọn :	04 tín chỉ
- Thực tập tốt nghiệp cuối khóa :	04 tín chỉ
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế :	06 tín chỉ



STT	TÊN HỌC PHẦN	Mã HP	Khoa/BM phụ trách		HP tiên quyết	HP song hành	SỐ TÍN CHỈ		
			Hà Nội	TP HCM			Tổng	LT	TH
I	Kiến thức giáo dục đại cương						0		
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp						6		
II.1	Kiến thức cơ sở khối ngành						0		
II.2	Kiến thức cơ sở Ngành						8		
	Học phần bắt buộc						4		
26	Quản trị học	QTH.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
29	Kinh tế quốc tế	KTQT.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
	Học phần tự chọn (chọn 2/4)						4		
30	Kinh tế lượng	KTL.1.2	Toán	Toán-Tkê			2	1	1
31	Văn hóa doanh nghiệp	VHDN.1.2	QTKD	QTKD		32	2	1	1
32	Kinh tế phát triển	KTPT.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
33	Tâm lý kinh doanh	TLKD.1.2	CTXH	CTXH			2	1	1
II.3	Kiến thức ngành và chuyên ngành						51		
II.3.1	Kiến thức ngành						19		
	Học phần bắt buộc						17		
34	Quản trị chiến lược	QTCIL.1.3	QTKD	QTKD			3	2	1
35	Quản trị marketing	QTMKT.1.3	QTKD	QTKD		36	3	2	1
36	Quản trị sản xuất	QTSX.1.3	QTKD	QTKD	26	35	3	2	1
37	Quản trị chuỗi cung ứng	QTCU.1.3	QTKD	QTKD		38	3	2	1
38	Quản trị nhân lực	QTNL.1.3	QLLĐ	QLLĐ			3	2	1
41	Hệ thống thông tin quản trị	HTQT.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
	Học phần tự chọn (chọn 1/2)						2		
42	Khởi sự và tinh thần kinh doanh	KSKD.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
43	Thị trường thế giới và kinh doanh xuất nhập khẩu	TTTG.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
II.3.2	Kiến thức chuyên ngành						10		
	Học phần bắt buộc						8		
44	Quản trị dự án	QTDA.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
45	Quản trị chất lượng	QTCL.1.2	QTKD	QTKD	36	48	2	1	1
47	Thương mại điện tử	TMĐT.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
48	Logistics	LGYS.1.2	QTKD	QTKD	37		2	1	1
	Học phần tự chọn (chọn 1/2)						2		
49	Quản trị sự thay đổi	QTTĐ.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
50	Thị trường chứng khoán	TTCK.1.2	KT	KT			2	1	1
II.3.3	Kiến thức bổ trợ						22		
	Học phần bắt buộc						18		
51	Thực hành TOEIC Nâng cao (I)	THTOI.1.2	NN	NN			2	0	2
52	Thực hành TOEIC Nâng cao (II)	THTOI.2.2	NN	NN	51		2	0	2
53	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD (I)	TAQKI.1.2	NN	NN			2	0	2

ONG
HOC
DONG
A HOI

STT	TÊN HỌC PHẦN	Mã HP	Khoa/BM phụ trách		HP tiên quyết	HP song hành	SỐ TÍN CHỈ		
			Hà Nội	TP HCM			Tổng	LT	TH
54	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD (II)	TAQK2.1.2	NN	NN	53		2	0	2
55	Kỹ thuật xử lý số liệu (SPSS)	KSPSS.1.2	T Kế	Toán-Tkê			2	1	1
56	Phần mềm quản trị kinh doanh	PMQK.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
57	Kỹ năng lãnh đạo và ra quyết định kinh doanh	KNLĐ.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
58	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán kinh doanh	KNĐP.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
59	Kỹ năng làm việc và quản trị nhóm trong kinh doanh	KNNKD.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
	Học phần tự chọn (chọn 2/4)						4		
60	Kỹ năng quản trị và phát triển bản thân	KNPT.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
61	Kỹ năng ứng xử và phòng vấn việc làm	KNPV.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
62	Kỹ năng soạn văn bản quản trị và kinh doanh	KNST.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
63	Lịch sử văn minh thế giới	LSTG.1.2	CTXH	CTXH			2	2	
III	Thực tập cuối khóa						4		
IV	Khóa luận tốt nghiệp **						6		
	Các học phần thay thế KLTN								
64	Kế hoạch kinh doanh	KHKD.1.3	QTKD	QTKD			3	1	2
65	Công ty đa quốc gia và chiến lược kinh doanh toàn cầu	CTQGK.1.3	QTKD	QTKD			3	1	2

Ghi chú:

(*): HP Lý thuyết tổ chức giảng và học bằng tiếng Anh

(**): Những sinh viên giỏi sẽ được đề nghị trường cho phép làm khóa luận bằng tiếng Anh.

Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2014

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Lê Thanh Hà